TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 114/2019/HSPT
Ngày 15-10-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thơ**.
Các Thẩm phán: 1/ Ông **Lê Thanh Vân**;
2/ Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc An** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Phương Thảo**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 83/2019/TLPT-HS ngày 09-9-2019 đối với bị cáo Nguyễn Thành V do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HSST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh T.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thành V (tên gọi khác là Út), sinh ngày 1982, tại tỉnh B. Hộ khẩu thường trú: ấp V, xã VT, huyện C, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: phòng trọ số 5, nhà trọ tại số 300, khu phố 2, phường 10, thành phố M, tỉnh T. Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: Nguyễn Thành T và bà Lê Thị T (chết); bị cáo sống như vợ chồng với Võ Thị Đ và 01 con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 09/11/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", quy định tại Khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo chấp hành án ngày 02/01/2018 chấp hành xong vào ngày 02/5/2019.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/7/2014, tạm giam từ ngày 16/7/2014 đến ngày 23/7/2015 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 18 ngày 27/3/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án có 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 13 giờ 15 phút ngày 07/7/2014, tại khu vực cầu T, Khu phố 2, Phường 10, thành phố M; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T phối hợp Công an Phường 10, thành phố M bắt quả tang Nguyễn Thành V đang bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thanh P (T), sinh năm 1981, ngụ ấp P, xã PA, huyện C, tỉnh B.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thành V tại phòng trọ số 05, Nhà trọ không tên địa chỉ số 300, Khu phố 2, Phường 10, thành phố M tiếp tục tạm giữ: 01 xe môtô biển số 72L3-9538; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 72L3-9538 tên Phạm Thế P, sinh năm 1970, ngụ Tổ 4, ấp T, xã L, thành phố BT, tỉnh VT; 01 chai nhựa màu trắng có nắp màu vàng (V khai đây là dụng cụ để V sử dụng ma túy); 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe cùng tên Nguyễn Thành V.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 1610/C54B ngày 17/7/2014 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Gói 1: Tinh thể trong suốt bên trong 02 gói nylon được niêm phong gửi giám định đều có chứa thành phần Methamphetamine, tổng trọng lượng 0,4306 gam. Gói 2: Tinh thể trong suốt bên trong 02 gói nylon được niêm phong gửi giám định đều có chứa thành phần Methamphetamine, tổng trọng lượng 0,1980 gam. Hoàn lại đối tượng giám định gồm: Mẫu vật còn lại sau giám định có trọng lượng gói 1: 0,3541 gam và gói 2: 0,1838 gam.

Ngày 05/01/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 08 với nội dung giám định bổ sung về hàm lượng chất ma túy. Căn cứ bản kết luận giám định số 203 ngày 25/3/2015 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát kết luận: Hàm lượng Methamphetamine trong mẫu ký hiệu 1610/1 là 76,1%, Hàm lượng Methamphetamine trong mẫu ký hiệu 1610/2 là 73,5%.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Thành V sử dụng ma túy từ khoảng tháng 3/2014. Từ khoảng tháng 6/2014, V bắt đầu mua bán trái phép chất ma túy; nguồn ma túy do V mua của người tên H (không rõ họ tên, địa chỉ) tổng cộng 05 lần, mỗi lần 01 gói giá 1.200.000 đồng; lần đầu H trực tiếp giao ma túy cho V tại khu vực G, huyện B, tỉnh L; những lần còn lại do người tên H (không rõ họ tên, địa chỉ) giao cho V tại khu vực cầu T, Phường 10, thành phố M. Sau khi mua ma túy, V đem về phòng trọ số 05, Nhà trọ không tên địa chỉ số 300, Khu phố 2, Phường 10, thành phố M phân ma túy ra bán lại cho các đối tượng sau:

1/ Bán cho Nguyễn Thanh P 05 lần, mỗi lẫn 01 gói ma túy giá từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng/01 gói; địa điểm bán tại khu vực cầu T. Lần thứ 5 vào ngày 06/7/2014 tại khu vực cầu T, H giao 01 gói ma túy cho V giá 1.200.000 đồng, V đem về phòng trọ số 05, Nhà trọ không tên địa chỉ số 300, Khu phố 2, Phường 10, Tp. M phân ra làm 05 gói ma túy, V sử dụng hết 01 gói, còn lại 04 gói ma túy. Đến 13 giờ 15 phút ngày 07/7/2014 tại địa điểm trên, V lấy 02 gói ma túy bán cho P giá 700.000 đồng (V đã giao ma túy và nhận tiền của P); còn

lại 02 gói ma túy V cất giữ trong người để bán lại khi có người hỏi mua và sử dụng thì bị lực lượng Công an bắt quả tang cùng tang vật.

2/ Bán cho Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1988, ngụ số 2A, đường P, Phường 7, thành phố M 01 lần 01 gói ma túy giá 400.000 đồng tại nhà trọ của T địa chỉ Ấp 1, xã Đ, thành phố M.

3/ Bán cho Nguyễn Hoàng N (T), sinh năm 1981, ngụ ấp P, xã P, thành phố M 04 lần, mỗi lần 01 gói ma túy giá 300.000 đồng/01 gói, trong đó có 01 lần Nam đưa điện thoại di động Nokia 6300 để mua ma túy. Địa điểm bán tại khu vực cầu T và nhà trọ của N địa chỉ Ấp 3, xã T, Tp. M.

4/ Bán cho Bùi Ngọc H (B), sinh năm 1988, ngụ ấp M, xã M, Tp. M 03 lần, mỗi lần 01 gói ma túy giá từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng/01 gói. Địa điểm bán tại khu vực Ấp 3, xã T, Tp. M và khu vực cầu T.

V khai do V là người nghiện ma túy nên mục đích mua, bán ma túy để có tiền mua ma túy sử dụng cho bản thân nên không xác định được số tiền thu lợi bất chính.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HSST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh T đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thanh V** phạm tội "**Mua bán trái phép chất ma túy".**

Căn cứ điểm b, Khoản 2, Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành V **08 (tám) năm** tù**.** Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được trừ thời gian tạm giữ,tạm giam trước từ ngày 07/7/2014 đến ngày 23/7/2015.

* Ngoài ra bản án còn quyết định về phần xử lý vật chứng, phần án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 05-6-2019 bị cáo Nguyễn Thành V có đơn kháng cáo với nội dung: xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử. Đồng thời, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong hạn luật định. Nội dung đơn kháng cáo của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1/ Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Lúc 13 giờ 15 phút ngày 07/7/2014, tại khu vực cầu T, Khu phố 2, Phường 10, thành phố M; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T phối hợp Công an Phường 10, thành phố M bắt quả tang Nguyễn Thành V đang bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thanh P (T, sinh năm 1981, ngụ ấp P, xã P, huyện C, tỉnh B. Quá trình điều tra Nguyễn Thành V khai đã sử dụng ma túy từ khoảng tháng 3/2014. Từ khoảng tháng 6/2014, V bắt đầu mua bán trái phép chất ma túy; nguồn ma túy do V mua của người tên H (không rõ họ tên, địa chỉ) tổng cộng 05

lần, mỗi lần 01 gói giá 1.200.000 đồng; lần đầu H trực tiếp giao ma túy cho V tại khu vực G, huyện B, tỉnh L; những lần còn lại do người tên H (không rõ họ tên, địa chỉ) giao cho V tại khu vực cầu T, Phường 10, thành phố M. Sau khi mua ma túy, V đem về phòng trọ số 05, Nhà trọ không tên địa chỉ số 300, Khu phố 2, Phường 10, thành phố M phân ma túy ra bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có liên quan, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản kết luận giám định và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thành V về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo qui định tại điểm b khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

2/ Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về quản lý và sử dụng chất ma túy. Bị cáo có đủ khả năng để nhận thức được rằng, ma túy là chất gây nghiện nếu sử dụng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe con người, sẽ gây thiệt hại cho lợi ích của xã hội, làm gia tăng các loại tội phạm và là nguyên nhân lây lan căn bệnh thế kỷ. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo nhận biết việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo bất chấp pháp luật cố ý thực hiện tội phạm.

3/ Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã có xem xét đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xử phạt bị cáo với mức án nêu trên là phù hợp với qui định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết gì mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 355, điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành V.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HSST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thành V** phạm tội "**Mua bán trái phép chất ma túy".**

Căn cứ điểm b, Khoản 2, Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành V **08 (tám) năm** tù**.** Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được trừ thời gian tạm giữ,tạm giam trước từ ngày 07/7/2014 đến ngày 23/7/2015.

2/ Về án phí: Bị cáo V phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm.

3/ Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND thành phố M;
- VKSND thành phố M;
- Công an thành phố M;
- THADS thành phố M;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Thơ